TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đỗ Thị Thu Hà
2. Ông Trịnh Duy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Quàng Văn L**; Địa chỉ: Bản X, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Lường Thị I**; Địa chỉ: Bản X, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà I có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Điện Biên vào ngày 08/7/2008. Kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hay cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ tôi bỏ đi làm ăn xa. Chúng tôi cũng đã được các đoàn thể của Bản hòa giải nhưng không đạt kết quả. Năm 2018 tôi bị tai nạn giao

thông nhưng không ảnh hưởng gì đến nhận thức và hành vi dân sự. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Lường Thị I.

- Về con chung: Tôi và bà I có hai con chung là Quàng Quốc Đ, sinh ngày 10/02/2009 và Quàng Quốc V, sinh ngày 11/5/2012.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, ông L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Ông L không yêu cầu bà I phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên hòa giải ông L và bà I đã thỏa thuận, thống nhất: Trong trường hợp phải ly hôn, ông L sẽ nuôi cháu Đ và bà I sẽ nuôi cháu V cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Tại Bản tự khai ngày 15/7/2022, quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi nhất trí với lời trình bày của ông L về phần kết hôn ban đầu. Chúng tôi có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Điện Biên. Chúng tôi kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2018 chồng tôi bị tai nạn giao thông không làm được công việc nặng, không kiếm ra tiền, bản thân tôi là vợ phải lo toan cho kinh tế gia đình. Vì vậy tôi quyết định đi làm phụ hồ ở Hà Nội. Tuy nhiên chồng tôi không đồng ý, anh bắt tôi phải ở nhà. Tuy nhiên vì kinh tế gia đình nên tôi vẫn đi làm. Chúng tôi đã được các đoàn thể ở Bản hòa giải, khoảng 1 tháng sau khi hòa giải tôi tiếp tục đi làm ở Hà Nội, lần này ông L đồng ý. Tuy nhiên, sau khi tôi đi làm ông L lại bắt tôi về, nhưng vì dịch covid 19 nên đến tháng 12/2021 tôi mới về Điện Biên được. Khi tôi về ông L không cho tôi vào nhà nên tôi phải về nhà mẹ đẻ ở. Đến khoảng tháng 4/2021 tôi phát hiện ông L đưa người phụ nữ khác về nhà vợ chồng tôi ở, chúng tôi có xô xát. Nay ông L làm đơn xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn vì tôi vẫn còn tình cảm với chồng, tôi không muốn các con phải chia rẽ tình cảm bố mẹ.

- Về con chung: Tôi và ông L có hai con chung là Quàng Quốc Đ, sinh ngày 10/02/2009 và Quàng Quốc V, sinh ngày 11/5/2012. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng ông L. Trong trường hợp phải ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi cháu V, ông L sẽ nuôi cháu Đ cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chúng tôi sẽ tự thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: Không có khoản nợ nào.

3. Việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại công văn số 70/CV-UBND ngày 30/8/2022 UBND xã P, thành phố Đ trả

lời như sau: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn được ông L và bà I trình bày với Tòa án là đúng. Còn việc xô xát tại nhà ông L khi ông L đưa người phụ nữ khác về ở cùng thì Tổ hòa giải bản không được biết và hòa giải. Ngày 16/7/2022 ông L và bà I đã mời các bên nội ngoại tham gia và tự thỏa thuận phân chia tài sản.

Tại Biên bản phân chia tài sản chung ngày 16/7/2022 giữa ông L và bà I, có sự chứng kiến của hai bên gia đình, công an viên và trưởng bản Xôm có nội dung: "...đến nay vợ chồng chúng tôi không chung sống được với nhau nên quyết định ly hôn đường ai nấy đi không liên quan đến nhau..."

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015.

- Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015. Tại phiên tòa xét xử bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quàng Văn L về việc ly hôn với bà Lường Thị I.

- Về con chung: Giao cháu Quàng Văn Đ, sinh ngày 10/02/2009 cho ông Quàng Văn L, giao cháu Quàng Quốc V, sinh ngày 11/5/2012 cho bà Lường Thị I chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.Việc người trực tiếp nuôi con có thể thay đổi nếu các bên có thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Quàng Văn L.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên

nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ là Xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp nên thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 16 của UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn cùng lời khai của các đương sự xác định: Bà I và ông L có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Điện Biên vào ngày 08/7/2008 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn và tình trạng hôn nhân: Theo nguyên đơn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, bà I bỏ đi làm ăn xa. Theo bị đơn nguyên nhân là do năm 2018 ông L bị tai nạn giao thông không làm được công việc nặng, không kiếm ra tiền, bản thân bà I phải lo toan cho kinh tế gia đình nên phải đi làm ăn xa. Ông L thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên kiên quyết xin ly hôn còn bà I không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chồng. Tuy nhiên, quá trình hòa giải các đương sự đều thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, hiện đang sống ly thân. Và tại Biên bản thỏa thuận ngày 16/7/2022 bà I cũng khẳng định: "...đến nay vợ chồng chúng tôi không chung sống được với nhau nên quyết định ly hôn đường ai nấy đi không liên quan đến nhau...". Do đó có căn cứ để xác định việc bà I, ông L hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho ông L được ly hôn với bà I.

[3.2] Về con chung:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông L kiên quyết xin ly hôn bà I không đồng ý ly hôn nhưng các đương sự đã thỏa thuận thống nhất về phần con chung: Vợ chồng có hai con chung là Quàng Quốc Đ, sinh ngày 10/02/2009 và Quàng Quốc V, sinh ngày 11/5/2012. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng ông L. Trong trường hợp phải ly hôn, ông L sẽ nuôi cháu Đ và bà I sẽ nuôi cháu V cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Do các đương sự tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do các đương sự tự thỏa thuận không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự về phần con chung, về tài sản, nợ như trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, việc thỏa thuận này bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng cho vợ và con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông L là người khuyết tật, cá nhân thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho ông L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quàng Văn L.

1. Về hôn nhân: Ông Quàng Văn L được ly hôn với bà Lường Thị I.

2. Về con chung: Ông Quàng Văn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Quốc Đ, sinh ngày 10/02/2009; Bà Lường Thị I được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quàng Quốc V, sinh ngày 11/5/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Quàng Văn L.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã M, TP Đ;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ